

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà Trần Thị B có mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024 của bà Trần Thị B, bản tự khai của các đương sự, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Vào năm 1986, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Trần Thị B cùng ông Nguyễn Văn Đ đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ có 03 người con chung là anh Nguyễn Văn Vũ L, sinh năm 1987, anh Nguyễn Văn Nhựt L, sinh ngày 01/6/1988 và chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990. Hiện nay cả ba người con của bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đều đã trưởng thành, có gia đình riêng; không có nợ chung.

Theo bà Trần Thị B thì trong quá trình chung sống, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung.

Theo ông Nguyễn Văn Đ thì trong quá trình chung sống, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ có tài sản chung là căn nhà cấp 4 tọa lạc tại tổ 8, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt, không thể dung hòa được nên bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đã ly thân gần 01 năm nay.

Bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Ông Nguyễn Văn Đ đồng ý ly hôn với bà Trần Thị B. Ngoài ra, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu gì thêm.

* *Tại phiên tòa*, bà Trần Thị B vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ thiết lập quan hệ vợ chồng vào năm 1986, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 29/02/2024, bà Trần Thị B khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ; ông Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/4/2024 cho ông Nguyễn Văn Đ theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 26), được sự thống nhất của bà Trần Thị B, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ thiết lập quan hệ vợ chồng vào năm 1986, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét rằng: Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì vào năm 1986, bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đều đáp ứng đủ về điều kiện kết hôn. Căn cứ vào điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ là hôn nhân thực tế. Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đã có thời gian ly thân dài, tại bản tự khai đề ngày 07/3/2024, ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện đồng ý ly hôn với bà Trần Thị B và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa bà

Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ.

2.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận **toàn bộ yêu cầu khởi kiện của** bà Trần Thị B.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; **điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bà Trần Thị B thuộc diện người cao tuổi và bà Trần Thị B có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí (BL 07) nên bà Trần Thị B được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; **điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ.

2- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị B và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

3- Về án phí:

Bà Trần Thị B thuộc diện người cao tuổi và bà Trần Thị B có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí (BL 07) nên bà Trần Thị B được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (25/4/2024); ông Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khán có hợp);
- UBND xã Mông Thò, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khán có hợp);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương